

Bản án số: 09/2020/HNGĐ- ST

Ngày 11/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Ngọc Long
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu

2. Bà Lý Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm- Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chảo Thị L - Sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T K, xã S T, huyện V B, tỉnh L C.

Chỗ ở hiện tại: Thôn N T, xã G P, huyện B T, tỉnh L C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn H (Tên gọi khác: Nông Văn H), Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T K, xã S T, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lự Xuân L.

Địa chỉ: Thôn T K, xã S T, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Chảo Thị L trình bày: nguyên đơn chị Chảo Thị L trình bày và đề nghị: Chị và anh Nông Văn H (H) có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S T, huyện V B, tỉnh L C vào ngày 08/11/2017. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm phong cách sống, anh H (H) thường xuyên chơi bời, rượu chè, bỏ bê vợ, không quan tâm vợ con không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng suốt ngày đánh cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn N T, xã G P, huyện B T sống đến nay không về Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm tới ai. Mâu thuẫn của chị và anh H (H) đã được 2 bên gia đình hòa giải

xong không có kết quả. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu nên đề nghị ly hôn với anh Nông Văn H (H) để sớm đảm bảo cuộc sống cho chị.

Về con: Chị và anh H (H) không ai có con riêng, quá trình chung sống chị với anh Nông Văn H (H) có 02 con chung. Là cháu Nông Thanh T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2016 và cháu Nông T L, sinh ngày 23/7/2017. Cháu T đang sống cùng anh H (H) còn cháu L đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng L đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị đề nghị giao cháu T cho anh H (H) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị và anh Nông Văn H (H) không có tài sản gì chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống chị và anh H (H) không vay nợ ai, cho ai vay nợ gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Văn H (Nông Văn H) trình bày: Tôi và chị L tự nguyện tìm hiểu và sống chung như vợ chồng từ năm 2015 và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/11/2017 tại UBND xã S T, huyện V B, tỉnh L C. Chúng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chúng tôi bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến ngày 01/02/2019, chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N T, xã G P, huyện B T, tỉnh L C. Sau đó, tôi được biết vợ tôi ngoại tình với người khác, chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm, cũng như về kinh tế. Hai bên gia đình có khuyên giải nhưng không thành, gia đình tôi có lên nhà bố mẹ đẻ cô L nhưng cô L trốn đi ngoại tình nên không gặp. Nay cô L khởi kiện xin ly hôn với tôi thì tôi cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và cô L được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu thứ nhất tên là Nông Thanh T, sinh ngày 05/01/2016, hiện nay cháu sinh sống cùng tôi. Cháu thứ hai tên là Nông T L, sinh ngày 23/7/2017, Hiện nay cháu sinh sống cùng chị Chảo Thị L. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu T và L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Nông Văn H (H) mặc dù có mặt tham gia nhưng không ký biên bản. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc bị đơn anh Nông Văn H (H) không ký vào biên bản. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ cũng như ra quyết định xét xử và giao các văn bản tố tụng dân sự cho các đương sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/8/2020, bị đơn vắng mặt. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại ngày xét xử vào ngày 11/9/2020. Tại phiên tòa ngày 11/9/2020, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết quyết định hoãn. Do vậy HĐXX giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng và xác minh tại chính quyền địa phương đều xác nhận: Chị Chảo Thị L và anh Nông Văn H (H) tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015. Sau đó thì tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã S T, huyện V B, tỉnh L C. Vợ, chồng chung sống đến giữa năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là tháng 02 năm 2019 thì sống ly thân đến nay. Chị L và anh H (H) có 02 con chung, cháu Nông Thanh T, sinh ngày 05/01/2016 hiện đang sống cùng anh H (H) và cháu Nông T L, sinh ngày 23/7/2017 hiện đang ở cùng chị L. Về mâu thuẫn của chị L và anh H (H) là có và hiện nay chị L và anh H (H) đang sống ly thân không ai quan tâm tới ai.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 227; 228; 229; 238 Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chảo Thị L. Xử chị Chảo Thị L được ly hôn với anh Nông Văn H (Nông Văn H).

- Về con chung: Chị Chảo Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông T L, sinh ngày 23/7/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn H (H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thanh T, sinh ngày 05/01/2016 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nguyên đơn chị Chảo Thị L và bị đơn anh Nông Văn H (H) không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Chảo Thị L phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, xem xét đầy đủ toàn diện tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả quá trình tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn, quyền từ chối cung cấp chứng cứ của bị đơn và kết quả xác minh các tài liệu dùng làm căn cứ mà Tòa án thu thập được trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn chị Chảo Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nông Văn H (H) thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành mặc dù đã được Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng hợp lệ. Người làm chứng vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ. Căn cứ Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

{2} Về quan hệ hôn nhân: Chị Chảo Thị L và anh Nông Văn H (H) có đăng ký kết hôn tại UBND xã S T, huyện V B, tỉnh L C trên cơ sở tự nguyện. Xét quan hệ hôn nhân của chị L và anh H (H) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H (H) thường xuyên uống rượu say, đánh chửi chị thậm tệ. Tháng 2/2019 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại Thôn Nậm Trà, xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng sống từ đó đến nay, chị và anh H (H) sống ly thân nhau không ai quan tâm tới ai, hàng xóm và chính quyền địa phương và bản thân đương sự xác định: Chị L và anh H (H) hiện nay không chung sống với nhau là đúng, sự việc anh chị mâu thuẫn đã được 02 bên gia đình và anh em bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ khi hai vợ chồng sống riêng thì không ai còn quan tâm đến ai, tại bản tự khai anh H (H) nhất trí ly hôn xong tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ anh H (H) không ký biên bản, bỏ mặc gây khó khăn kéo dài khi giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị L được ly hôn với anh H (H) là phù hợp với quy định của pháp luật.

{3} Về con chung: Chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông T L, sinh ngày 23/7/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Nông Thanh T, sinh ngày 05/01/2016 cho anh Nông Văn H (H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị và anh H (H) không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh Nông Văn H (H) đề nghị được nuôi cả 02 cháu tới khi trưởng thành không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị L và anh H (H) là chính đáng. Xong hiện nay cháu T đang sống cùng anh H (H) tại thôn T K, xã S T, huyện V B, tỉnh L C. Cháu L đang sống cùng chị L tại thôn N T, xã G P, huyện B T, tỉnh L C. Cả 02 cháu đều đang sống và đã quen với nếp sinh hoạt do vậy cần tiếp tục giao cháu L cho chị L trực tiếp, chăm sóc, giáo dục cháu L tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cháu T anh H (H) trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị L và anh H (H) mỗi người nuôi 01 cháu và cả 02 đều không yêu cầu cấp dưỡng do vậy chị L, anh H (H) không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

{4} Về tài sản và vay nợ: Chị L và anh H (H) đều xác nhận không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{5} Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 228; Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chảo Thị L.

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Chảo Thị L được ly hôn anh Nông Văn H (tên gọi khác: Nông Văn H).

Về quan hệ con chung: Nguyên đơn chị Chảo Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông T L, sinh ngày 23/7/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Nông Văn H (H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thanh T, sinh ngày 05/01/2016 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn chị Chảo Thị L và bị đơn anh Nông Văn H (H) không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Nguyên đơn chị Chảo Thị L phải chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2012/0007086 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Chị Chảo Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Nông Văn H (H) không phải chịu án phí sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án xét xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Sơn Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS,LD, TP, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Ngân Vương Thị Thu

Vương Ngọc Long

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Sơn Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Ngọc Long

